

Course: BCIS Vietnam_Cycle 14_INFS704_DESIGN THINKING - Online**Lecturer : Professor Brian Cusack**

#	HCMUS ID	AUT ID	Family Name	First name	Note
1	1659033	21150428	NGUYEN QUOC	TU	
2	1759021	18034361	NGUYEN THI THUY	LINH	
3	1759026	20111098	NGUYEN LE	MINH	
4	1959017	21150302	NGUYEN KHANH	LUYEN	
5	1959023	21150303	PHAM QUANG	NHAN	
6	2059001	22171259	NGUYEN KHANH	AN	
7	2059002	22171296	NGUYEN DO QUOC	ANH	
8	2059003	22171485	DINH NGUYET	ANH	
9	2059006	22171873	LE ANH	DUNG	
10	2059007	22171339	TRINH NHAT	DUY	
11	2059009	22171290	LE QUANG HAI	DANG	
12	2059012	22171308	NGO TRUNG	HAI	
13	2059014	22171444	NGUYEN PHUC	HIEN	
14	2059015	22171488	LUONG PHU	HOA	
15	2059016	22171163	LA TRIEU	HUY	
16	2059017	22173177	VAN CONG GIA	HUNG	
17	2059020	22171281	NGUYEN TRAN TUAN	KIET	
18	2059023	22171389	NGUYEN NGAN	KHANH	
19	2059025	22176689	PHAM THAI	LINH	
20	2059026	22171393	PHAM HOANG	LONG	
21	2059028	22171175	CHAU NHAT	MINH	
22	2059029	22171275	NGUYEN HOANG	MY	
23	2059030	22171176	HUYNH HUU	NGHIEP	
24	2059031	22171298	CAO MINH	NHAT	
25	2059033	22171392	NGUYEN VINH	QUAN	
26	2059035	22171352	NGUYEN KHAC ANH	QUAN	
27	2059036	22171486	NGUYEN PHU	TAI	
28	2059039	22171249	NGUYEN THANH	THAI	
29	2059040	22171235	NGUYEN NHAT	THANH	
30	2059042	22171508	NGUYEN HOANG TRUONG	THINH	
31	2059044	22171381	NGUYEN QUOC	THU	
32	2059048	22171187	VU BINH GIA	UY	
33	2059052	22171340	NGUYEN PHU	THANH	
34	2059053	22171484	NGUYEN TRUONG THANH	TAM	
35	1959011	21142418	HA MINH	KHOA	Retake